

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/DS-ST
Ngày: 22-11-2019
V/v Ranh giới QSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mai Hương.
2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2019/TLST-DS, ngày 15 tháng 3 năm 2019 về “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2019/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 185/2019/QĐST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Hoàng Đức – Chi nhánh Công ty Luật hợp doanh Anh Em Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Văn P, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện C, Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Nguyễn Thị D, sinh năm 1964 (có mặt).

3.2. Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1990 (có mặt).

3.3. Võ Minh T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

3.4. Nguyễn Thị R, sinh năm 1970 (có mặt).

3.5. Nguyễn Hòa P, sinh năm 1996 (vắng mặt).

3.6. Nguyễn Mạnh H, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã N, huyện C, Đồng Tháp.

3.7. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Nguyễn Hồng S - Chức vụ: Chủ tịch, là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 07/11/2018, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày:

Năm 1990, bà H có nhận chuyển nhượng của mẹ bà diện tích 1.542m², thuộc thửa 158, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Giáp ranh với thửa 158 có phần đất thuộc thửa 46 và 49, cùng tờ bản đồ số 6 của ông Nguyễn Văn P. Quá trình sử dụng đất, ông P lấn đã chiếm diện tích đất thuộc thửa 158, tờ bản đồ số 6 như sau: phần đất giáp thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6 diện tích đo đạc thực tế là 22,7m² (thuộc phạm vi các mốc M12, M13, M14, M16), phần đất giáp thửa 46, tờ bản đồ số 6 diện tích đo đạc thực tế là 21,7m² (thuộc phạm vi các mốc M8, M18, M17, M19, M20) nên các bên tranh chấp cho đến nay. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu:

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 158, tờ bản đồ số 6 do bà H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 6 do ông P đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đường thẳng nối mốc M8 - M18.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 158, tờ bản đồ số 6 do bà đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6 do ông P đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đường thẳng nối mốc M13 - M14.

Tại đơn khởi kiện, bà H còn trình bày tháng 10/2017 thì ông P không cho bà sử dụng diện tích đất 60m² (ngang 03m, dài 20m), thuộc một phần thửa 46, tờ bản đồ số 6 làm lối đi nên bà có tranh chấp về lối đi qua thửa 46 của ông P. Nay bà H xin rút yêu cầu về lối đi, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết.

Tại Đơn khởi kiện ngày 07/5/2019, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn P là bị đơn và bà Nguyễn Thị R là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:

Phần đất thuộc thửa 49, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T, xã N, là của cha ông P cho ông từ năm 1992 nhưng chưa làm thủ tục để sang tên. Sau đó cha chết nên đến năm 2013, mẹ của ông P mới làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất. Phần đất thuộc thửa 46, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp T, xã N là do ông P nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị L. Khi chuyển nhượng thì các bên không làm thủ tục đúng quy định vì diện tích đất thuộc thửa 46 do ông L là cha ruột ông P đứng tên. Do đó, đến năm 2013 bà P là mẹ ruột của ông P đã làm thủ tục tặng cho thửa 46, tờ bản đồ số 6 cùng lúc với thửa 49, tờ bản đồ số 6. Ông P xác định mặc dù 02 thửa nói trên do ông đứng tên nhưng quyền sử dụng đất này là tài sản chung của vợ chồng ông. Hiện nay vợ chồng ông sống chung với các con Nguyễn Hòa P, Nguyễn Mạnh h. Năm 1993, ông P cất nhà, bà H, bà D đều biết nhưng không có ý kiến.

Nay đối với yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất của bà H giữa thửa 158 với thửa 46, 49 thì ông P đồng ý vì ông P xét thấy sau khi tiến hành xem xét thẩm định bổ sung phần đất thuộc thửa 43 của ông Võ Thanh L (chồng bà H) thì thấy tổng diện tích đo đạc thực tế thiếu nhiều so với quyền sử dụng đất mà bà H và ông L được cấp. Do đó, ông P thống nhất xác định ranh giới quyền sử dụng đất thuộc các thửa 46, 49, tờ bản đồ số 6 do ông đứng tên với thửa đất số 158, tờ bản đồ số 6 do bà H đứng tên như bà H yêu cầu. Đối với căn nhà của ông Nguyễn Văn P xây dựng trên diện tích đất thuộc thửa 49, tờ bản đồ số 6 có lấn qua phần đất của bà H thì ông P đồng ý di dời nhà trả đất cho bà H.

Trong quá trình sử dụng đất thì bà Nguyễn Thị D đã xây dựng nhà và chuồng heo lấn chiếm phần đất của ông P thuộc thửa 46, tờ bản đồ số 06 cụ thể diện tích đo đạc thực tế là 9,1m², thuộc các mốc M2, M3, M15, M14. Khi bà D xây dựng nhà và chuồng heo nói trên thì ông P không biết. Nay ông P yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 46, tờ bản đồ số 6 do ông đứng tên với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị D đứng tên trên Giấy chứng nhận QSDĐ là đường thẳng nối mốc M4 - M17. Ông P yêu cầu bà D, chị Nguyễn Ngọc G và anh Võ Minh T di dời nhà và chuồng heo trả lại cho ông Nguyễn Văn P diện tích đặc thực tế 9,1m² thuộc phạm vi các M2, M3, M15, M14, thuộc một phần thửa 46, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp T, xã N.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Thị Ngọc G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:

Diện tích đất thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp T, xã N là của bà Nguyễn Thị P là mẹ ruột bà D cho bà D vào khoảng năm 2000, nhưng đến năm 2013 thì bà P mới làm thủ tục tặng cho, nay bà D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay bà D và con ruột Nguyễn Thị Ngọc G, con rể Võ Minh T đang cất nhà ở trên đất.

Khoảng năm 2002, bà D cất chuồng heo, đến khoảng năm 2010 bà D cất nhà. Khi xây dựng thì bà H, ông P đều biết, nhưng không ai có ý kiến hay tranh chấp gì.

Nay bà D không đồng ý theo yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 47, tờ bản đồ số 6 do bà đứng tên với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 6 do ông P đứng tên như ông P yêu cầu mà bà xác định ranh giới là đường thẳng nối từ mốc M5 đến M18. Trường hợp, Tòa án xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 47 và thửa số 46, cùng tờ bản đồ số 6 là đường thẳng nối các mốc M4 - M17 như yêu cầu của ông P thì bà D đồng ý di dời nhà và chuồng heo trả đất cho ông P.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất thực tế của bà H đã có cơ sở cho thấy bà H xác định ranh như trên là đúng. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, ông P đã đồng ý với yêu cầu của bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bà H và ông P về việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất và đình chỉ xét xử yêu cầu của bà H về tranh chấp lối đi do đã rút yêu cầu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định, nên không có kiến nghị gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

Về nội D: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 175, 176 Bộ luật dân sự và Điều 203 Luật đất đai, xét xử vụ án theo hướng công nhận sự thỏa thuận của bà H và ông P, không chấp nhận yêu cầu của ông P về xác định ranh giới quyền sử dụng đất với bà D và đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện về lối đi của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội D đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H, bị đơn Nguyễn Văn P và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là ranh giới quyền sử dụng đất, diện tích đất tranh chấp tại xã N, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 9, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều

35 và điểm c, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Về nội D:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H, yêu cầu:

- Ông P mở lối đi có diện tích 60m², ngang 3m, dài 20m thuộc một phần thửa 46, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện C, Đồng Tháp.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 158, tờ bản đồ số 6 do bà H đứng tên với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 6 do ông P đứng tên trên là đường thẳng nối mốc M8 - M18 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 30/8/2019 và Bản đồ trích đo ngày 22/10/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 158, tờ bản đồ số 6 do bà H đứng tên với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6 do ông P đứng tên là đường thẳng nối mốc M13 - M14 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 30/8/2019 và Bản đồ trích đo ngày 22/10/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp.

[3] Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông P mở lối đi có diện tích 60m², ngang 3m, dài 20m thuộc một phần thửa 46, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp T, xã N. Xét thấy việc rút yêu cầu như trên của bà H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà H.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H về xác định ranh giới quyền sử dụng đất thì tại phiên hòa giải ngày 02/10/2019, ông P đồng ý xác định ranh giới quyền sử dụng đất như bà H yêu cầu. Ông P còn trình bày khi xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 158 và thửa 49 như trên thì có một phần căn nhà của ông P xây dựng trên thửa đất 158 của bà H, ông P đồng ý di dời nhà trả đất cho bà H. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận của các đương sự, không trái luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 175, 176 Bộ luật dân sự, Điều 203 Luật đất đai và Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bị đơn là ông Nguyễn Văn P, yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 46, tờ bản đồ số 6 do ông đứng tên với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị D đứng tên là đường thẳng nối mốc M4 - M17 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 30/8/2019 và Bản đồ trích đo ngày 22/10/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp. Bà D xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 47, tờ bản đồ số 6 do bà đứng tên với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị D đứng tên là đường thẳng nối mốc M5 - M18 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 30/8/2019 và Bản đồ trích đo ngày 22/10/2019

của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp. Trên phần đất tranh chấp giữa bà D và ông P có một phần nhà và chuồng heo của bà D xây dựng từ năm 2010.

[6] Bà D và ông P thống nhất khi cấp quyền sử dụng đất cho ông, bà thì Nhà nước cấp giáp sông C, không đo đạc thực tế. Tuy nhiên hiện nay phần đất giáp sông bồi, lở ra sao thì ông bà không biết. Đồng thời, khoảng năm 2017, Nhà nước tiến hành làm lộ nông thôn đã sử dụng một phần đất để làm đường, không xác định được diện tích bao nhiêu. Vì vậy, khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ bà D và ông P không xác định thửa đất theo diện tích được cấp mà ông, bà xác định theo hiện trạng sử dụng từ mí lộ nông thôn trở vào. Do đó, bà D và ông P thống nhất yêu cầu Tòa án không căn cứ vào diện tích được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định ranh giới mà đề nghị Tòa án căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất và các tài liệu, chứng cứ mà ông bà đã nộp để xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất tranh chấp.

[7] Xét thấy phần đất tranh chấp do ông P và bà D xác định ranh nằm trong phạm vi các mốc M4, M5, M18, M17 về M4 có diện tích 9,1m². Phần đất này hiện nay bà D đang sử dụng, cụ thể là có một phần nhà do bà D và các con gồm chị G, anh T đang ở, phía sau là chuồng chăn nuôi heo nhưng hiện nay bà D không còn nuôi. Tại mốc M18 bà D xác định là trụ đá bà cho rằng để làm ranh giữa thửa đất của bà và ông P. Bà D xác định khi bà cất nhà và sau đó là xây dựng chuồng heo thì vợ chồng ông P biết, có phụ giúp bà trong việc xây cất nhà, nghĩa là ông P hoàn toàn không có tranh chấp gì trong việc bà xây dựng nhà như trên. Để chứng minh cho lời trình bày của mình thì bà D đã cung cấp lời khai của ông Dương Văn T là người xây cất nhà cho bà D, đồng thời cung cấp thêm lời khai của bà Nguyễn Thị P là mẹ ruột của ông P và bà D, lời khai của ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích P là các anh/chị của ông P xác nhận. Ông P không thừa nhận lời trình bày của bà D mà cho rằng thời điểm bà D cất nhà, ông P đi làm ăn xa nhà, không chứng kiến việc bà D xây nhà như thế nào. Tuy nhiên, ông P không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Đồng thời, ông P thừa nhận từ năm 2010 ông đã biết bà D cất nhà lấn ranh của ông nhưng ông không khiếu nại hay khởi kiện ở bất cứ cơ quan nào. Do đó, xét thấy việc ông P xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 46, tờ bản đồ số 6 do ông đứng tên với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị D đứng tên là đường thẳng nối mốc M4 - M17 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 30/8/2019 và Bản đồ trích đo ngày 22/10/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp, yêu cầu bà D, chị G, anh T di dời nhà và chuồng heo trả lại cho ông P diện tích đo đạc thực tế 9,1m² thuộc phạm vi các M2, M3, M15, M14, thuộc một phần thửa 46, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp T, xã N là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Bà H, bà D và ông P còn trình bày trường hợp Tòa án giải quyết tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 46 của ông P và thửa số 47 của bà D kết quả như thế nào thì bà H, bà D, ông P đều xác định đường thẳng nối các mốc M17, M18 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 30/8/2019 và Bản

đồ trích đo ngày 22/10/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp là ranh giới quyền sử dụng đất giữa 03 thửa đất số 46, 47 và 158, cùng tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp T, xã N, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[9] Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 158, tờ bản đồ số 6 do bà H đứng tên với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 6 do ông P đứng tên là đường thẳng nối các mốc M8 - M18 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 30/8/2019 và Bản đồ trích đo ngày 22/10/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp. Có căn cứ xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 158, tờ bản đồ số 6 do bà H đứng tên với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6 do ông P đứng tên là đường thẳng nối mốc M13 - M14 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 30/8/2019 và Bản đồ trích đo ngày 22/10/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp. Có căn cứ xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 46, tờ bản đồ số 6 do ông P đứng tên với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 6 do bà D đứng tên là đường thẳng nối các mốc M5 - M18 theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 30/8/2019 và Bản đồ trích đo ngày 22/10/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp.

[10] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 175, 176 Bộ luật dân sự, Điều 203 Luật đất đai 2013 để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bị đơn là có căn cứ như đã phân tích trên.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Do yêu cầu của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[12] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 7.832.382 đồng, ông Nguyễn Văn P phải chịu theo quy định tại Điều 157 và 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong đó, bà H đã nộp số tiền 5.293.153 đồng, ông P đã nộp số tiền 2.539.229 đồng và đã chi xong. Do đó, ông P phải nộp lại số tiền 5.293.153 đồng để trả lại cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 244, 246 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 175, 176 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 203 Luật đất đai 2013;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Công nhận sự thỏa thuận nguyên đơn Nguyễn Thị H và bị đơn Nguyễn Văn P.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 158, tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị H đứng tên với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 6 do hộ ông Nguyễn Văn P đứng tên, đất tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện C được xác định là đường thẳng nối qua các mốc M8, M18.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 158, tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị H đứng tên với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6 do hộ ông Nguyễn Văn P đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Thanh T, xã N, huyện C được xác định là đường thẳng nối qua các mốc M13, M14.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn Nguyễn Văn P.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 46, tờ bản đồ số 6 do hộ ông Nguyễn Văn P đứng tên với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị D đứng tên, đất tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện C được xác định là đường thẳng nối qua các mốc M5, M18.

Ranh giới quyền sử dụng đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất. Tài sản của các bên lấn chiếm ranh giới quyền sử dụng đất phải di dời theo quy định pháp luật.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/4/2019, 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh và Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 30/8/2019, Bản đồ trích đo ngày 22/10/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với yêu cầu ông Nguyễn Văn P mở lối đi có diện tích 60m², ngang 3m, dài 20m thuộc một phần thửa 46, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện C, Đồng Tháp.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006333, ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006668, ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Cao Lãnh. Như vậy, ông Nguyễn Văn P còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Nguyễn Văn P phải chịu số tiền tổng cộng 7.832.382 đồng. Trong đó, bà Nguyễn Thị H đã nộp số tiền 5.293.153 đồng, ông Nguyễn Văn P đã nộp số tiền 2.539.229 đồng và đã chi xong. Do đó, ông Nguyễn Văn P phải nộp lại số tiền 5.293.153 đồng (Năm triệu hai trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi ba đồng) để trả lại cho bà Nguyễn Thị H.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Phương Thảo